

Bản án số: **44/2022/HS-ST**

Ngày: 11-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Đại Trọng và ông Trần Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa:
Ông Trần Vũ Duy Khánh và ông Phan Anh Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, số 06 đường Đặng Tràm, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Trần Xuân T, sinh ngày: 10 tháng 3 năm 2002, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Tổ 8, phường TP, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Trần Xuân H, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị H (đã chết); vợ con: chưa có. Anh, chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ ba. Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/9/2021 đến ngày 29/9/2021 chuyển qua tạm giam cho đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày: 18 tháng 9 năm 1989, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn CC1, xã TP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: In ấn quảng cáo; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Nguyễn Ngọc G (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; vợ con: chưa có; Anh, chị em ruột có 05 người, bị cáo là con thứ tư. Tiền án: Không; tiền sự: Không. Về nhân thân: Vào năm 2021, đã bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính số tiền: 1.500.000 đồng, về hành vi Đánh bạc theo Quyết định số: 0004846/QĐ-XPHC ngày 24/9/2021;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/9/2021 đến ngày 29/9/2021 chuyển qua tạm giam cho đến nay. Có mặt.

3. Nguyễn Thị Quỳnh N (tên gọi khác: M), sinh ngày: 09 tháng 8 năm 1996, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi ĐKKHKT: Số 27/246 đường HV, phường AC, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú hiện nay: Tổ dân phố XH, khu vực 3, phường TV, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Nguyễn Đắc A, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1971;

chồng: Không có nH đã có 01 người con sinh năm 2018; Anh, chị em ruột có 06 người, bị cáo là con đầu. Tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/9/2021 đến ngày 29/9/2021 chuyển qua tạm giam cho đến nay. Có mặt.

4. Lê Thị Diễm T, sinh ngày: 03 tháng 12 năm 1997, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Tổ 21, khu vực 4, phường AC, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Lê Anh K (đã chết) và bà Trương Thị L, sinh năm 1975; có chồng là Đoàn Văn H (là bị cáo trong vụ án) và có 01 người con, sinh năm 2017. Anh, chị em ruột có 02 người, bị cáo là con thứ hai. Tiền án: Không; tiền sự: Không. Về nhân thân: Vào năm 2021, đã bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính số tiền: 1.500.000 đồng, về hành vi Đánh bạc theo Quyết định số: 0004844/QĐ-XPHC ngày 24/9/2021;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ 21/9/2021 đến ngày 29/9/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

5. Nguyễn Thanh P (tên gọi khác: Lọ Em), sinh ngày: 02 tháng 8 năm 1997, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Số nhà 09 Kiệt 04, thôn AD, xã PT, huyện PT, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ may; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Nguyễn Thanh O (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950; vợ con: chưa có. Anh, chị em ruột có 06 người, bị cáo là con út. Tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/9/2021 đến ngày 29/9/2021 chuyển qua tạm giam cho đến nay. Có mặt.

6. Lê Văn S, sinh ngày: 24 tháng 6 năm 1998, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn Triều S T, xã HT, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: T trí nội thất; trình độ văn hóa: Lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Lê Văn H, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1973; vợ con: chưa có. Anh, chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ hai. Tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/9/2021 đến ngày 29/9/2021 chuyển qua tạm giam cho đến nay. Có mặt.

7. Lê Thị Kiều T, sinh ngày: 22 tháng 11 năm 1991, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Số 11/2/147 đường P, phường PN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Lê Bá T (đã chết) và bà Lê Thị Thúy H, sinh năm 1967; có chồng Nguyễn Bảo T (đã ly hôn năm 2018) và có 01 người con sinh năm 2010. Anh, chị em ruột có 03 người, bị cáo là con đầu; Tiền án: Không; tiền sự: Không. Về nhân thân: Vào năm 2019, bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính số tiền: 750.000 đồng, về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số: 0005419/QĐ-XPHC ngày 21/02/2019, đã chấp hành xong ngày 04/3/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ 21/9/2021 đến ngày 29/9/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

8. Nguyễn Phú Q (tên gọi khác: N), sinh ngày: 16 tháng 7 năm 1991, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Tổ dân phố LT, phường PT, thành phố H, tỉnh Thừa

Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Nguyễn Phú T, sinh năm 1951 và bà Võ Thị H, sinh năm 1967; Có vợ: Nguyễn Thị Hoài T (Đang chung sống như vợ chồng) và có 01 người con sinh năm 2018; Anh, chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ hai; Tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/9/2021 đến ngày 29/9/2021 chuyển qua tạm giam cho đến nay. Có mặt.

9. Dương Văn T, sinh ngày: 25 tháng 02 năm 1996 tại thành phố Hà Nội. Nơi ĐKKTT: Thôn T, xã Chuyên M, huyện PX, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú hiện nay: Số 45 đường TG, phường TL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hóa: Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Dương Xuân H, sinh năm 1966 và bà Đặng Thị M, sinh năm 1973; vợ con: chưa có; Anh, chị em ruột có 02 người, bị cáo là con thứ hai; Tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/9/2021 đến ngày 29/9/2021 chuyển qua tạm giam cho đến nay. Có mặt.

10. Ngô Đ T, sinh ngày: 25 tháng 6 năm 1995, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn AD, xã PT, huyện PT, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ may; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Ngô Đ U, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; Vợ, con: Chưa có; Anh, chị em ruột có 02 người, bị cáo là con thứ hai; Tiền án: Không; tiền sự: Không. Về nhân thân: Vào năm 2021, đã bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính số tiền: 1.500.000 đồng, về hành vi Đánh bạc theo Quyết định số: 0004847/QĐ-XPHC ngày 24/9/2021, đã chấp hành xong vào ngày 28/9/2021;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/9/2021 đến ngày 29/9/2021 chuyển qua tạm giam cho đến nay. Có mặt.

11. Nguyễn Đại H (tên gọi khác: L), sinh ngày: 12 tháng 5 năm 2000, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Số 74 đường Nguyễn Công T, phường PH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Nguyễn Đại T, sinh năm 1975 và bà Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1977; Vợ, con: Chưa có; Anh, chị em ruột có 03 người, bị cáo là con đầu; Tiền án: Không; tiền sự: Không. Về nhân thân: Vào năm 2021, bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính số tiền: 1.500.000 đồng, về hành vi Đánh bạc theo Quyết định số: 0004845/QĐ-XPHC ngày 24/9/2021, đã chấp hành vào ngày 28/9/2021;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/9/2021 đến ngày 29/9/2021 chuyển qua tạm giam cho đến nay. Có mặt.

12. Đoàn Văn H, sinh ngày: 07 tháng 8 năm 1995, tại tỉnh Quảng Trị. Nơi cư trú: Số nhà 99 đường H, phường AC, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Đoàn Văn P (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; Có vợ là Lê Thị Diễm T (là bị cáo trong vụ án) và có 01 người con, sinh năm 2017; Anh, chị em ruột: Không có; Tiền án: Không; tiền sự: Không. Về nhân thân: Vào năm 2021, bị Công an thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt

hành chính số tiền: 750.000 đồng, về hành vi Kinh doanh hàng hóa nhập lậu theo Quyết định số: 0004648/QĐ-XPHC ngày 06/10/2021, đã chấp hành xong vào ngày 07/10/2021;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/9/2021 đến ngày 29/9/2021 chuyển qua tạm giam cho đến nay. Có mặt.

13. Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày: 11 tháng 3 năm 1980, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Số 136 đường MM, phường TX, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1951 và bà H Thị T, sinh năm 1957; chồng: Nguyễn Phước Quý T (đã ly hôn năm 2014) và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2009; Anh, chị em ruột có 02 người, bị cáo là con thứ hai; Tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/9/2021 đến ngày 17/01/2022 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

14. Lê Công L, sinh ngày: 23 tháng 10 năm 2001, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Số nhà 202 đường BTX, phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Lê Công H, sinh năm 1974 và bà Trần Kiều Lệ T, sinh năm 1975; Vợ, con: chưa có; Anh, chị em ruột: Không có; Tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/9/2021, đến ngày 26/11/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh P là: Bà Nguyễn Thị S- Trợ giúp viên pháp lý của T tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Công Đ, sinh ngày: 13/6/1978. Nơi cư trú: Số 27C Khu quy hoạch BV, phường TX, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 23/5/1999. Nơi cư trú: Số 27/246 đường HV, phường AC, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Anh Trần Văn D, sinh ngày: 25/9/2001. Nơi cư trú: Tổ 11, phường TP, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Bà Lương Thị N, sinh ngày: 23/4/1964. Nơi cư trú: Số 6 kiệt 332 đường BĐ, phường GH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày: 09/10/1996. Nơi cư trú: Số 83 đường LĐ, phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị T1, sinh ngày: 27/4/2003. Nơi cư trú: Số 83 đường LĐ phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Anh Ngô Đ C, sinh ngày: 26/6/1995. Nơi cư trú: Số 06 Kiệt 4 Thôn AD, xã PT, huyện PT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 20/9/2021, bị cáo Nguyễn Ngọc T1 tổ chức tiệc sinh nhật của mình tại Nhà hàng nổi S, thuộc phường PH, thành phố H, tỉnh

Thừa Thiên Huế; Tham dự buổi tiệc sinh nhật của bị cáo T1, gồm có: Các bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N, Đoàn Văn H, Nguyễn Đại H, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Phú Q, Lê Văn S, Ngô Đ T, Dương Văn T, Lê Thị Kiều T, Lê Thị Diễm T và chị Nguyễn Thị Hoài T, chị Nguyễn Thị T1, anh Ngô Đ C và một số người bạn khác của bị cáo Nguyễn Ngọc T1. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày thì tan tiệc, cả nhóm cùng nhau góp tiền để phụ giúp cho bị cáo Ngọc T1 thanh toán tiền tại nhà hàng. Sau khi thanh toán xong, bị cáo Ngọc T1 còn lại khoảng 1.500.000 đồng và rủ cả nhóm đi chơi tiếp tầng 2 (tức là đi sử dụng ma túy) thì được mọi người đồng ý. Do trước đó đã từng cùng bạn bè về thuê nhà nghỉ “HC”, địa chỉ: Tổ 3, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, để làm địa điểm sử dụng trái phép chất ma túy nên bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N giới thiệu cho mọi người về địa chỉ đó, thì tất cả đồng ý. Trước khi đi, bị cáo Như điện thoại cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N (là em ruột của Như) để nhờ chị Nhã thuê giúp một cái loa và hai cây đèn chớp. Do không biết bị cáo Như nhờ thuê loa, đèn là để phục vụ việc sử dụng trái phép chất ma túy nên chị Nhã đã đồng ý, rồi điện thoại cho anh Trần Văn D làm nghề cho thuê loa, đèn tại địa chỉ: 144 đường TC, thành phố H, để hỏi thuê cho bị cáo Như với giá 500.000 đồng rồi thông báo và đưa địa chỉ của anh D cho bị cáo Như. Một lúc sau, bị cáo Như cùng cả nhóm đến chỗ anh D, bị cáo Như vào trả tiền thuê và nhận 01 cái loa, 02 cây đèn chớp từ anh D, ra để vào cốp xe ô tô mang biển kiểm soát: 75A-001.86 (xe của chị Nguyễn Thị Hoài T). Sau đó, bị cáo Dương Văn T điều khiển xe ô tô trên chở Q, T, T, N, T, T1 và C; Còn bị cáo Ngọc T1 điều khiển xe mô tô BKS: 75F1-785.19 (xe của chị Nguyễn Thị Hoài T) chở H; Bị cáo Đoàn Văn H điều khiển xe mô tô BKS: 75F1-933.42 (xe của bị cáo Diễm T) chở bị cáo Diễm T; Bị cáo Phó điều khiển xe mô tô BKS: 75F1-348.66 (xe của chị Nguyễn Thị Tý, là chị ruột của bị cáo Phó) chở bị cáo S cùng về nhà nghỉ “HC”. Tại thời điểm này, Nhà nghỉ “HC” do bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp quản lý (Bị cáo L mới làm Hợp đồng đặt cọc mua lại Nhà nghỉ “HC” của bà Lương Thị N), bị cáo L đang thuê bị cáo Lê Công L trực tiếp làm quản lý, trông coi nhà nghỉ giúp. Khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, cả nhóm về đến nhà nghỉ “HC” thì bị cáo Như vào quầy Lễ tân ở tầng 1 gặp bị cáo L để liên hệ thuê phòng. Bị cáo Lê Công L thấy đêm đã khuya, nhóm của bị cáo Như đi đông người, có cả nam và nữ, mang theo loa, đèn... nên biết rõ nhóm người này đến thuê phòng để làm địa điểm sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo L liền điện thoại báo cho bị cáo L biết rồi đưa máy cho bị cáo Như trực tiếp nói chuyện với bị cáo L. Bị cáo Như nói với L: “nhóm của Như đến thuê phòng với nhiều người, có sử dụng loa để nghe nhạc, đi bay (tức là sử dụng ma túy), là khách quen của chủ nhà nghỉ trước đây và hay thuê với giá 1.500.000 đồng”. Sau khi đồng ý cho nhóm của bị cáo Như thuê phòng với giá 1.500.000 đồng thì bị cáo L nói bị cáo L sắp xếp phòng cho nhóm của bị cáo Như. Bị cáo L đã bố trí phòng số 1, tầng 2 của nhà nghỉ HC để cả nhóm làm địa điểm sử dụng trái phép chất ma túy. Do không còn tiền mặt để trả tiền phòng nên bị cáo Như yêu cầu được chuyển khoản và bị cáo L đã nhả số tài khoản: 0110001573, Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á (do anh Lê Công Đ là người yêu của L đứng tên chủ tài khoản), qua cho bị cáo L để L đưa cho bị cáo Như chuyển khoản số tiền 1.500.000 đồng qua tài khoản này cho bị cáo L – Chủ nhà nghỉ HC.

Tại phòng, bị cáo Như đọc số điện thoại 0392.413.778 của đối tượng bán ma túy, tên thường gọi là “Tàu” (không rõ lai lịch và địa chỉ - Như quen qua mạng xã hội) cho bị cáo Ngọc T1 để gọi điện thoại đặt mua ma túy. Bị cáo Ngọc T1 đã gọi điện cho “Tàu”, nH do nói chuyện qua, về không hiểu nên đã đưa điện thoại lại cho bị cáo Như để đặt mua ma túy. Bị cáo Như đã đặt mua từ đối tượng “Tàu” 10 viên ma túy (loại Thuốc lắc) và một hộp gồm 05 chầm ma túy (loại Khay) với tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo Như thông báo cho cả nhóm biết và ước tính mỗi người sẽ góp khoảng 1.110.000 đồng, thì được đa số đồng ý. Bị cáo Diễm T là người trực tiếp đứng ra thu tiền của các đối tượng góp mua ma túy. Số tiền góp của từng người cụ thể như sau: Bị cáo Diễm T góp phần của mình và phần của bị cáo H (chồng T1) số tiền 1.110.000 đồng/ 02 người, góp thay cho bị cáo S, Phở mỗi người 1.110.000 đồng (do bị cáo S, Phở hết tiền nên mượn của bị cáo Diễm T để góp tiền mua ma túy); trực tiếp thu của bị cáo H, Q, T và T mỗi người 1.110.000 đồng; thu của bị cáo Ngọc T1 1.000.000 đồng và thu của bị cáo Ngô Đ T 700.000 đồng. Bị cáo Quỳnh N đã trả tiền thuê phòng nên không góp; Chị Nguyễn Thị Hoài T, Nguyễn Thị T1 và anh Ngô Đ C không tham gia góp tiền mua ma túy.

Theo lời khai của bị cáo Trần Xuân T, sau khi thống nhất với bị cáo Như, đối tượng “Tàu” đã liên lạc với bị cáo T để nhờ đi giao ma túy và sẽ trả cho bị cáo T 600.000 đồng tiền công thì bị cáo T đồng ý. Sau đó, “Tàu” đưa cho bị cáo T sim điện thoại số: 0392.413.778 (số điện thoại của “Tàu”) lắp vào máy điện thoại của bị cáo T, cùng số ma túy trên và các đồ dùng khác phục vụ việc sử dụng ma túy (nước uống, dầu phật L, bật lửa) rồi dặn bị cáo T về giao ma túy và lấy số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo T thuê xe taxi (không nhớ rõ hãng xe và biển số) chở từ thành phố H về nhà nghỉ HC. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo T về đến nhà nghỉ “HC” rồi gọi điện thoại để thông báo cho nhóm của bị cáo Như biết. Bị cáo Ngọc T1 cùng với bị cáo Quỳnh N và bị cáo Diễm T đi xuống tầng 1, gặp T để lấy ma túy. Trên đường đi xuống tầng 1, bị cáo Diễm T đưa cho bị cáo Ngọc T1 số tiền 5.200.000 đồng để trả tiền mua ma túy. Số tiền còn lại 4.800.000 đồng thì bị cáo Diễm T nói sẽ chuyển khoản cho bị cáo Như, để nhờ bị cáo Như chuyển khoản cho bị cáo T thì T đồng ý. Sau đó, bị cáo Diễm T đã chuyển qua tài khoản Ngân hàng cho bị cáo Như và Như đã chuyển cho bị cáo T số tiền 4.800.000 đồng để trả số tiền mua ma túy còn thiếu. Sau khi giao ma túy cho bị cáo Ngọc T1, bị cáo T lên lại thành phố H, trên đường đi, bị cáo T ghé vào cây ATM ở khu vực chợ AC, rút số tiền 4.800.000 đồng do bị cáo Như chuyển tiền nói trên.

Sau khi nhận ma túy cùng các đồ dùng khác (dầu phật L, nước uống, bật lửa) từ bị cáo T, bị cáo Nguyễn Ngọc T1 đưa lên phòng. Các bị cáo Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị Quỳnh N, Đoàn Văn H, Nguyễn Đại H, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Phú Q, Lê Văn S, Ngô Đ T, Dương Văn T, Lê Thị Kiều T và Lê Thị Diễm T đã cùng nhau bật nhạc, mở đèn chớp, lấy ma túy và các dụng cụ khác ra, rồi cùng với chị Nguyễn Thị Hoài T và anh Ngô Đ C sử dụng số ma túy trên cho đến 00 giờ 10 phút ngày 21/9/2021, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy phát hiện, bắt quả tang.

Sau khi bán ma túy, bị cáo Trần Xuân T đến một nhà nghỉ trên đường Phạm Văn Đồng, thành phố H (không nhớ rõ tên và địa chỉ) để gặp đối tượng “Tàu”. Tại đây, bị cáo T nhận được 01 cuộc điện thoại của một người phụ nữ khác (không rõ

lai lịch) gọi vào số điện thoại 0392.413.778 của “Tàu” (Sim điện thoại đang lắp ở máy của T) để đặt mua 05 viên ma túy (loại Thuốc lắc) và 02 chấm ma túy (loại Khay) đưa về nhà nghỉ “HC”; bị cáo T thông báo lại cho “Tàu” thì “Tàu” báo giá 3.000.000 đồng. Lúc này, “Tàu” tiếp tục nói bị cáo T đi giao ma túy và sẽ được hưởng số tiền 1.000.000 đồng thì T đồng ý. Tàu đưa cho bị cáo T 01 gói nilông, bên trong có chứa: 05 viên ma túy (loại Thuốc lắc) và 02 chấm ma túy (loại Khay), bị cáo T lấy và cất giấu ở túi quần bên trái đang mặc trên người, rồi thuê xe taxi về lại phường Phú Bài. Khoảng 03 giờ 30 phút, khi bị cáo T vừa xuống xe taxi đi bộ vào trong kiệt 1193 Nguyễn Tất Thành, đến phía trước nhà nghỉ HC để bán ma túy lần thứ hai thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy phát hiện, bắt quả tang.

Kết quả thử nước tiểu đối với: Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị Quỳnh N, Đoàn Văn H, Nguyễn Đại H, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Phú Q, Lê Văn S, Ngô Đ T, Dương Văn T, Lê Thị Kiều T, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Thị Hoài T và Ngô Đ C; đều cho kết quả là dương tính với chất ma túy, loại Ketamine và MDMA.

Kết quả thử nước tiểu đối với Nguyễn Thị T1, cho kết quả âm tính với chất ma túy (không sử dụng chất ma túy).

Vật chứng thu giữ, gồm:

- Thu giữ tại phòng số 01, tầng 2, nhà nghỉ HC, gồm:

+ 01 (một) đĩa sứ màu trắng; trên đĩa có một số tinh thể rắn màu trắng dạng tinh bột mịn, đã được niêm phong và ký hiệu A1;

+ 01 (một) thẻ nhựa, loại giấy phép lái xe hạng A1, mang tên Nguyễn Thanh P;

+ 03 (ba) bật lửa ga, màu trắng, hiệu: “Hoa Việt”;

+ 06 (sáu) chai dầu Phật L;

+ 01 (một) ống hút tự chế bằng tờ tiền Polyme, có mệnh giá 10.000 đồng;

+ 03 (ba) túi nilông riêng biệt, tại miệng mỗi gói đều có đường viền màu xanh, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng; đã được niêm phong và lần lượt ký hiệu A2, A3, A4;

+ 03 (ba) mảnh viên nén không rõ hình dạng, màu xanh được gói trong mảnh giấy màu trắng; đã được niêm phong và ký hiệu A5;

+ 02 (hai) mảnh viên nén không rõ hình dạng, màu xanh được gói trong mảnh giấy màu trắng; đã được niêm phong và ký hiệu A6;

+ 01 (một) mảnh viên nén không rõ hình dạng, màu xanh được gói trong mảnh giấy màu trắng; đã được niêm phong và ký hiệu A7;

+ 01 (một) mảnh viên nén không rõ hình dạng, màu xanh được gói trong mảnh giấy màu trắng; đã được niêm phong và ký hiệu A8;

+ Nhiều mảnh vụn viên nén không rõ hình dạng, màu xanh được gói trong mảnh giấy màu trắng; đã được niêm phong và ký hiệu A9;

+ 01 (một) loa màu đen, có chữ “UBL”;

+ 01 (một) đèn chớp màu đen, hình hộp chữ nhật có chữ “K2 MP 10D”;

+ 01 (một) đèn chớp màu đen, không rõ nhãn hiệu;

- Thu giữ trên người của bị cáo Trần Xuân T, gồm:

+ 01 (một) gói nilông màu trắng, bên trong có chứa 03 (ba) gói nilông riêng biệt, gồm: 01 (một) gói nilông chứa 04 (bốn) viên nén màu xanh và 03 (ba) mảnh viên nén màu xanh khác, đã được niêm phong và ký hiệu A1; 02 (hai) gói nilông

riêng biệt, miệng mỗi gói đều có đường viền màu xanh và bên trong mỗi gói đều có chứa tinh thể rắn màu trắng; đã được niêm phong và lần lượt ký hiệu A2, A3;

+ 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 12 ProMax, màu vàng, số IMEI: 357014748957206;

+ Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, số tiền: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Ngoài ra còn thu giữ các vật chứng khác, gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 11 ProMax, màu trắng, số Imei:353925104153565 (thu giữ của Lê Thị Diễm T);

+ 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 12 ProMax, màu xanh (thu giữ của Nguyễn Thị Quỳnh N);

+ 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone XS Max, màu vàng (thu giữ của Lê Công L);

+ 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO F7, màu xanh, số IMEI: 869604032834912, có gắn sim Mobifone số thuê bao 0789996656 và gắn sim Vietttel số thuê bao 0368033101 (thu giữ của Nguyễn Ngọc T1);

+ 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone X, màu trắng, số Imei: 353048090037633, gắn sim mobifone số thuê bao 0775524609 (thu giữ của Nguyễn Thị Ngọc L);

+ Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, số tiền 1.500.000 đồng (thu giữ của anh Lê Công Đ);

+ 01 (một) xe ô tô mang biển số: 75A - 001.86, nhãn hiệu CHEVROLET, màu trắng (thu giữ của chị Nguyễn Thị Hoài T);

+ 01 (một) xe mô tô mang biển số: 75F1 - 875.19, nhãn hiệu Honda SH Mode, màu trắng – nâu (thu giữ của chị Nguyễn Thị Hoài T);

+ 01 (một) xe mô tô mang biển số: 75F1 - 348.66, nhãn hiệu Honda AIRBLADE, màu đen (thu giữ của bị cáo Nguyễn Thanh P);

+ 01 (một) xe mô tô mang biển số: 75F1- 933.42, nhãn hiệu Honda SH 125i, màu đen (thu giữ của bị cáo Lê Thị Diễm T);

+ 01 thẻ sim của nhà mạng Mobifone;

+ 01 bản photo giấy mua bán xe mô tô;

+ 01 giấy sao kê chi tiết tài khoản phát sinh ngày 21/9/2022 của anh Lê Công Đ;

+ 01 bản photo hợp đồng đặt cọc ngày 17/9/2021 giữa bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L và ông bà Lương Thị N, Vũ Văn Lập;

+ 01 bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL263545.

Tại Bản kết luận giám định số: 559 /GD ngày 23/9/2021, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế; kết luận các mảnh, mẫu vật thu giữ tại phòng số 01, tầng 02, nhà nghỉ “HC” gửi giám định có kết quả như sau:

+ Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong phong bì niêm phong, ký hiệu A1 gửi giám định, có khối lượng là: 0,4941g, là ma túy, loại Ketamine;

+ Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong phong bì niêm phong, ký hiệu A2 gửi giám định, có khối lượng là: 1,7795g, là ma túy, loại Ketamine;

+ Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong phong bì niêm phong, ký hiệu A3 gửi giám định, có khối lượng là: 1,7673g, là ma túy, loại Ketamine;

+ Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong phong bì niêm phong, ký hiệu A4 gửi giám định, có khối lượng là: 1,4417g, là ma túy, loại Ketamine;

+ 03 (ba) mảnh viên nén đều có màu xanh trong phong bì niêm phong, ký hiệu A5 gửi giám định, có tổng khối lượng là: 0,4252g, là ma túy, loại MDMA;

+ 02 (hai) mảnh viên nén đều có màu xanh trong phong bì niêm phong, ký hiệu A6 gửi giám định, có tổng khối lượng là: 0,5720g, là ma túy, loại MDMA;

+ Mảnh viên nén có màu xanh trong phong bì niêm phong, ký hiệu A7 gửi giám định, có khối lượng là: 0,2414g, là ma túy, loại MDMA;

+ Mảnh viên nén có màu xanh trong phong bì niêm phong, ký hiệu A8 gửi giám định, có khối lượng là: 0,0953g, là ma túy, loại MDMA;

+ Các mảnh vụn viên nén đều có màu xanh trong phong bì niêm phong, ký hiệu A9 gửi giám định, có tổng khối lượng là: 0,0815g, là ma túy, loại MDMA.

Hoàn lại đối tượng giám định cho Cơ quan điều tra gồm:

+ 0,2941g là mẫu tinh thể rắn màu trắng trong bì thư niêm phong ký hiệu A1 (nêu tại mục 1.1, phần II);

+ 1,5795g là mẫu tinh thể rắn màu trắng trong bì thư niêm phong ký hiệu A2 (nêu tại mục 1.2, phần II);

+ 1,5673g là mẫu tinh thể rắn màu trắng trong bì thư niêm phong ký hiệu A3 (nêu tại mục 1.3, phần II);

+ 1,2417g là mẫu tinh thể rắn màu trắng trong bì thư niêm phong ký hiệu A4 (nêu tại mục 1.41, phần II);

+ 0,1652g là mẫu bột được nghiền từ ba mảnh viên nén đều có màu xanh trong bì thư niêm phong ký hiệu A5 (nêu tại mục 1.5, phần II);

+ 0,312g là mẫu bột được nghiền từ hai mảnh viên nén đều có màu xanh trong bì thư niêm phong ký hiệu A6 (nêu tại mục 1.61, phần II);

+ Các vật dụng dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định.

Tại Kết luận giám định số: 560/GĐ ngày 24/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế; kết luận các mẫu, viên nén, mảnh thu giữ trên người của Trần Xuân T gửi giám định, có kết quả như sau:

+ 04 (bốn) viên nén đều có màu xanh và 03 (ba) mảnh viên nén đều có màu xanh, trong phong bì niêm phong, gửi giám định, ký hiệu A1 có tổng khối lượng là: 2,3423g, là ma túy, loại: MDMA;

+ Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong phong bì niêm phong, ký hiệu A2 gửi giám định, có khối lượng là: 0,4610g, là ma túy, loại: Ketamine;

+ Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong phong bì niêm phong, ký hiệu A3 gửi giám định, có khối lượng là: 0,4087g, là ma túy, loại: Ketamine.

Hoàn lại đối tượng giám định cho Cơ quan điều tra gồm:

+ 2,0423g là mẫu còn lại của bốn viên nén và ba mảnh viên nén đều có màu xanh trong bì thư niêm phong ký hiệu A1 (nêu tại mục 1.1, phần II);

+ 0,2610g là mẫu tinh thể rắn màu trắng trong bì thư niêm phong ký hiệu A2 (nêu tại mục 1.2, phần II);

+ 0,2087g là mẫu tinh thể rắn màu trắng trong bì thư niêm phong ký hiệu A2 (nêu tại mục 1.3, phần II);

+ Các vật dụng dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định.

Về xử lý vật chứng:

- Các vật chứng gồm: 01 bản photo giấy mua bán xe mô tô, 01 giấy sao kê chi tiết tài khoản phát sinh ngày 21/9/2022 của Lê Công Đ, 01 bản photo hợp đồng đặt cọc ngày 17/9/2021 giữa Nguyễn Thị Ngọc L và Lương Thị N, Vũ Văn Lập; 01 bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL263545; 01 thẻ sim của nhà mạng Mobifone đã chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Các vật chứng còn lại hiện đã chuyển Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/6/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy để đảm bảo cho việc xét xử và thi hành án.

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKS-HTh ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Trần Xuân T, về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo: Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị Quỳnh N, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Thanh P, Lê Văn S, Lê Thị Kiều T, Nguyễn Phú Q, Dương Văn T, Ngô Đ T, Nguyễn Đại H và Đoàn Văn H về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo: Nguyễn Thị Ngọc L và Lê Công L, về tội: Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm theo bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

- Bị cáo Trần Xuân T phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy;
- Các bị cáo: Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị Quỳnh N, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Thanh P, Lê Văn S, Lê Thị Kiều T, Nguyễn Phú Q, Dương Văn T, Ngô Đ T, Nguyễn Đại H và Đoàn Văn H, phạm tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy;
- Các bị cáo: Nguyễn Thị Ngọc L và Lê Công L, phạm tội: Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Trần Xuân T từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị Quỳnh N, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Thanh P, Lê Văn S, Lê Thị Kiều T, Nguyễn Phú Q, Dương Văn T, Ngô Đ T, Nguyễn Đại H và Đoàn Văn H, đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị Diễm T, Lê Thị Kiều T, Đoàn Văn H và Dương Văn T; đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị Diễm T và Lê Thị Kiều T, để xử phạt các bị cáo: Nguyễn Ngọc T1 từ 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù, Nguyễn Thị Quỳnh N từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, Nguyễn Thanh P từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù, Lê Văn S từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù, Nguyễn Phú Q từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù, Dương Văn T từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù, Ngô Đ T từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù, Nguyễn Đại H từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù, Đoàn Văn H từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù, Lê Thị Diễm T từ 02 năm 09

tháng đến 03 năm tù NH cho hưởng treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, Lê Thị Kiều T từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù NH cho hưởng treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù; Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lê Công L từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù NH cho hưởng treo, thời gian thử thách là 04 năm đến 04 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy, gồm: Số ma túy đã thu giữ của các bị cáo và các vật liệu dùng để bao gói khi gửi giám định; 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 03 (ba) bật lửa ga, màu trắng, hiệu: “Hoa Việt”; 06 (sáu) chai dầu Phat L.

Đề nghị tịch thu, hóa giá sung vào Ngân sách Nhà nước, gồm:

+ 01 (một) ống hút tự chế bằng tờ tiền Polyme, có mệnh giá 10.000 đồng;

+ 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 12 ProMax, màu vàng, số IMEI: 357014748957206 (thu giữ của bị cáo Trần Xuân T);

+ Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, số tiền: 10.000.000 đồng (thu giữ của bị cáo Trần Xuân T).

+ 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 11 ProMax, màu trắng, số Imei: 353925104153565 (thu giữ của bị cáo Lê Thị Diễm T);

+ 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 12 ProMax, màu xanh (thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N);

+ 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone XS Max, màu vàng (thu giữ của bị cáo Lê Công L);

+ 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO F7, màu xanh, số IMEI: 869604032834912, có gắn sim Mobifone số thuê bao 0789996656 và gắn sim Vietttel số thuê bao 0368033101 (thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc T1);

+ 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone X, màu trắng, số Imei: 353048090037633, gắn sim mobifone số thuê bao 0775524609 (thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L);

+ Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, số tiền 1.500.000 đồng (tiền cho thuê phòng, thu giữ của anh Lê Công Đ);

- Trả lại cho các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan các vật chứng, gồm:

+ 01 (một) thẻ nhựa, loại giấy phép lái xe hạng A1, mang tên Nguyễn Thanh P cho bị cáo Nguyễn Thanh P;

+ 01 (một) loa màu đen, có chữ “UBL”; 01 (một) đèn chớp màu đen, hình hộp chữ nhật có chữ “K2 MP 10D”; 01 (một) đèn chớp màu đen, không rõ nhãn hiệu cho anh Trần Văn D;

+ 01 (một) xe ô tô mang biển số: 75A - 001.86, nhãn hiệu CHEVROLET, màu trắng và 01 (một) xe mô tô mang biển số: 75F1 - 875.19, nhãn hiệu Honda SH Mode, màu trắng nâu cho chị Nguyễn Thị Hoài T;

+ 01 (một) xe mô tô mang biển số: 75F1 - 348.66, nhãn hiệu Honda AIRBLADE, màu đen cho bị cáo Nguyễn Thanh P;

+ 01 (một) xe mô tô mang biển số: 75F1- 933.42, nhãn hiệu Honda SH 125i, màu đen cho bị cáo Lê Thị Diễm T;

- Đối với 01 bản photo giấy mua bán xe mô tô; 01 giấy sao kê chi tiết tài khoản phát sinh ngày 21/9/2022 của anh Lê Công Đ; 01 bản photo hợp đồng đặt cọc ngày 17/9/2021 giữa bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L và ông bà Lương Thị N, Vũ Văn Lập; 01 bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL263545; 01 thẻ sim của nhà mạng Mobifone, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Về án phí hình sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến trình bày của các bị cáo: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại các vật chứng mà Cơ quan điều tra đã thu giữ vì không liên quan đến tội phạm của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung theo quy định của pháp luật.

[2]. Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy thu thập trong hồ sơ đều có giá trị pháp lý.

[3]. Quá trình điều tra truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

[4]. Căn cứ kết tội đối với các bị cáo:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại nhà Nhà nghỉ HC, ở địa chỉ: Kiệt 1193 đường Nguyễn Tất Thành, tổ 3, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, bị cáo Trần Xuân T đã thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho các bị cáo: Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị Quỳnh N, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Thanh P, Lê Văn S, Lê Thị Kiều T, Nguyễn Phú Q, Dương Văn T, Ngô Đ T, Nguyễn Đại H và Đoàn Văn H, gồm 10 viên ma túy, loại thuốc lắc (MDMA) và một hộp 05 chাম ma túy loại Khay (Ketamine) với giá 10.000.000 đồng, khi bị bắt quả tang thì khối lượng ma túy bị thu giữ còn lại là: 1,4154 gam loại MDMA và 5,4826 gam loại Ketamine. Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 21 tháng 9 năm 2021, cũng tại địa chỉ trên, bị cáo Trần Xuân T đang tàng trữ trái phép 2,3423 gam ma túy loại MDMA và 0,8697 gam ma túy loại Ketamine nhằm mục đích để bán cho người khác lần thứ 02 thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 21/9/2021, bị cáo Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị Quỳnh N, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Thanh P, Lê Văn S, Lê Thị Kiều T, Nguyễn Phú Q, Dương Văn T, Ngô Đ T, Nguyễn Đại H và Đoàn Văn H đã chuẩn bị ma túy, loại MDMA và Ketamine để bán của bị cáo Trần Xuân T với số tiền 10.000.000 đồng và các công cụ, phương tiện như: loa nghe nhạc, đèn chớp, bật lửa, dầu Phat L, ống hút... rồi thuê phòng số 01, tầng 2, nhà nghỉ HC, ở địa chỉ: Kiệt 1193 đường Nguyễn Tất Thành, tổ 3, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế để làm địa điểm tổ chức cho 11 bị cáo trên cùng với chị Nguyễn Thị Hoài T, anh Ngô Đ C

sử dụng trái phép chất ma túy thì bị phát hiện, bắt quả tang. Số ma túy được thu giữ có khối lượng còn lại do chưa sử dụng hết là 1,4154 gam loại MDMA và 5,4826 gam loại Ketamine.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L và Lê Công L đã dùng phòng số 01, tầng 02, nhà nghỉ HC do mình trực tiếp quản lý, trông coi, để cho nhóm các bị cáo Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị Quỳnh N, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Thanh P, Lê Văn S, Lê Thị Kiều T, Nguyễn Phú Q, Dương Văn T, Ngô Đ T, Nguyễn Đại H và Đoàn Văn H, thuê làm địa điểm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nhằm thu lợi bất chính số tiền 1.500.000 đồng thì bị phát hiện bắt quả tang.

Xét thấy hành vi bán trái phép chất ma túy và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích để bán lại cho người khác mà bị cáo Trần Xuân T đã thực hiện là đã đủ yếu tố cấu thành tội: Mua bán trái phép chất ma túy, được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo Trần Xuân T thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy mà có tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của hai chất ma túy trên so với mức tối thiểu đối với từng chất đó quy định tại khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là: $12,525\% + 6,352\% = 18,877\%$ (thuộc trường hợp dưới 100%) nên hành vi của bị cáo Trần Xuân T đã phạm vào trường hợp tăng nặng định khung hình phạt theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, bị cáo T đã 02 lần mua bán trái phép chất ma túy nên đã phạm vào trường hợp tăng nặng định khung hình phạt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã truy tố bị cáo Trần Xuân T về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Còn đối với các bị cáo: Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị Quỳnh N, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Thanh P, Lê Văn S, Lê Thị Kiều T, Nguyễn Phú Q, Dương Văn T, Ngô Đ T, Nguyễn Đại H và Đoàn Văn H đã thực hiện hành vi thuê địa điểm nhà nghỉ HC để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhiều người. Xét thấy hành vi chuẩn bị và cung cấp các chất ma túy, địa điểm sử dụng ma túy, dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy tại một địa điểm mà các bị cáo: Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị Quỳnh N, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Thanh P, Lê Văn S, Lê Thị Kiều T, Nguyễn Phú Q, Dương Văn T, Ngô Đ T, Nguyễn Đại H và Đoàn Văn H thực hiện là đã đủ yếu tố cấu thành tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, được quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đã tổ chức cùng một lúc cho 13 người khác sử dụng trái phép chất ma túy nên đã phạm vào trường hợp tăng nặng định khung hình phạt là “Đối với 02 người trở lên” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị Quỳnh N, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Thanh P, Lê Văn S, Lê Thị Kiều T, Nguyễn Phú Q, Dương Văn T, Ngô Đ T, Nguyễn Đại H và Đoàn Văn H, về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đối với các bị cáo: Nguyễn Thị Ngọc L và Lê Công L đã có hành vi sử dụng nhà nghỉ do mình trực tiếp quản lý, trông coi để chứa chấp cho nhóm của bị cáo Nguyễn Ngọc T1 sử dụng trái phép chất ma túy là đã đủ yếu tố cấu thành tội: Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, được quy định tại Điều 256 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L và Lê Công L đã chứa chấp cùng một lúc cho 13

người khác sử dụng trái phép chất ma túy nên đã phạm vào trường hợp tăng nặng định khung hình phạt là “Đối với 02 người trở lên” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Thị Ngọc L và Lê Công L về tội: Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Các bị cáo Trần Xuân T, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị Quỳnh N, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Thanh P, Lê Văn S, Lê Thị Kiều T, Nguyễn Phú Q, Dương Văn T, Ngô Đ T, Nguyễn Đại H, Đoàn Văn H, Nguyễn Thị Ngọc L và Lê Công L là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vẫn nhận thức được hành vi bán trái phép chất ma túy, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy là sai trái, vi phạm pháp luật vì các hoạt động liên quan đến chất ma túy phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Nhà nước cũng đã có nhiều chủ trương, biện pháp để phòng chống tệ nạn ma túy, các bị cáo biết NH vẫn cố ý thực hiện hành vi tội phạm. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm để răn đe, giáo dục các bị cáo và ngăn ngừa chung.

[5]. Xét về tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo thì thấy rằng đây là vụ án có đồng phạm NH mang tính chất giản đơn. Xét vai trò đồng phạm về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của từng bị cáo trong vụ án thì: Bị cáo Nguyễn Ngọc T1 là người rủ rờ, chủ mưu nên phải chịu trách nhiệm chính, bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N và bị cáo Lê Thị Diễm T là người giúp sức tích cực nên phải chịu trách nhiệm với vai trò thứ hai, còn các bị cáo Nguyễn Thanh P, Lê Văn S, Lê Thị Kiều T, Nguyễn Phú Q, Dương Văn T, Ngô Đ T, Nguyễn Đại H, Đoàn Văn H là đồng phạm giúp sức nên phải chịu trách nhiệm với vai trò thứ ba. Xét vai trò đồng phạm về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy thì bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L là chủ nhà nghỉ HC, đồng ý sử dụng nhà nghỉ của mình cho nhóm của bị cáo Nguyễn Ngọc T1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên phải chịu trách nhiệm chính, bị cáo Lê Công L là người giúp sức cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L nên phải chịu trách nhiệm với vai trò thứ hai trong vụ án. Vì vậy, các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm nói trên của mình. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những trái với các quy định của pháp luật mà còn gây ảnh hưởng xấu sức khỏe của con người, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Xét về nhân thân của từng bị cáo trong vụ án thì thấy rằng: Các bị cáo Nguyễn Ngọc T1, Lê Thị Diễm T, Lê Thị Kiều T, Ngô Đ T, Nguyễn Đại H, Đoàn Văn H thì khi thực hiện hành vi phạm tội tuy các bị cáo này không có tiền án, tiền sự NH về nhân thân thì chưa được tốt, các bị cáo đều đã bị xử phạt vi phạm hành chính, cụ thể: Vào năm 2021, bị cáo Nguyễn Ngọc T1 đã bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính số tiền: 1.500.000 đồng, về hành vi Đánh bạc theo Quyết định số: 0004846/QĐ-XPHC ngày 24/9/2021; Bị cáo Lê Thị Diễm T đã bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính số tiền: 1.500.000 đồng, về hành vi Đánh bạc theo Quyết định số: 0004844/QĐ-XPHC ngày 24/9/2021; Bị cáo Lê Thị Kiều T bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính số tiền: 750.000 đồng, về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số: 0005419/QĐ-XPHC ngày 21/02/2019, hiện đã hết thời hạn coi như chưa bị xử lý vi

phạm hành chính; Bị cáo Ngô Đ T đã bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính số tiền: 1.500.000 đồng, về hành vi Đánh bạc theo Quyết định số: 0004847/QĐ-XPHC ngày 24/9/2021; Bị cáo Nguyễn Đại H đã bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính số tiền: 1.500.000 đồng, về hành vi Đánh bạc theo Quyết định số: 0004845/QĐ-XPHC ngày 24/9/2021; Bị cáo Đoàn Văn H đã bị Công an thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính số tiền: 750.000 đồng, về hành vi Kinh doanh hàng hóa nhập lậu theo Quyết định số: 0004648/QĐ-XPHC ngày 06/10/2021. Đối với các bị cáo còn lại là: Trần Xuân T, Nguyễn Thị Quỳnh N, Nguyễn Thanh P, Lê Văn S, Nguyễn Phú Q, Dương Văn T, Nguyễn Thị Ngọc L và Lê Công L đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6]. Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7]. Xét về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Dương Văn T và Đoàn Văn H thuộc diện gia đình có công cách mạng, đối với bị cáo Lê Thị Diễm T đang nuôi 02 con nhỏ, có chồng là bị cáo trong vụ án, bị cáo Lê Thị Kiều T đang nuôi con nhỏ và có chồng đang chấp hành hình phạt tù về một tội phạm khác nên các bị cáo Dương Văn T, Đoàn Văn H, Lê Thị Diễm T và Lê Thị Kiều T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, nghĩ cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

Quan điểm của Kiểm sát viên là đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo. Áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị Quỳnh N, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Thanh P, Lê Văn S, Lê Thị Kiều T, Nguyễn Phú Q, Dương Văn T, Ngô Đ T, Nguyễn Đại H, Đoàn Văn H, Nguyễn Thị Ngọc L và Lê Công L; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Dương Văn T, Lê Thị Diễm T, Lê Thị Kiều T và Đoàn Văn H và áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Thị Diễm T, Lê Thị Kiều T, Lê Công L; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

Căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị Quỳnh N, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Thanh P, Lê Văn S, Lê Thị Kiều T, Nguyễn Phú Q, Dương Văn T, Ngô Đ T, Nguyễn Đại H, Đoàn Văn H, Nguyễn Thị Ngọc L và Lê Công L, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là cũng đủ tác dụng để giáo dục, phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Lê Thị Diễm T, Lê Thị Kiều T, Lê Công L có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đồng phạm với vai trò thứ yếu, bị cáo Lê Thị Diễm T đang nuôi 02 con nhỏ và có chồng là bị cáo trong vụ án; Còn bị cáo T thì đang nuôi con nhỏ, có chồng tuy đã ly hôn nH đang chấp hành hình phạt của một tội phạm khác nên xét thấy không cần thiết phải bắt các bị cáo Lê Thị Diễm T, Lê Thị Kiều T, Lê Công L chấp hành hình phạt tù mà có thể cho các bị cáo được hưởng án treo là cũng đủ tác dụng để giáo dục các bị cáo và ngăn ngừa chung.

[8]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

- Các chất ma túy: 3,7577 gam loại MDMA và 6,3523 gam loại Ketamine; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ nhựa loại giấy phép lái xe hạng A1, mang tên Nguyễn Thanh P; 03 bật lửa ga màu trắng, hiệu: “Hoa Việt”; 06 chai dầu Phạt L; 01 ống hút tự chế bằng tờ tiền Polyme có mệnh giá 10.000 đồng; 01 loa màu đen có chữ “UBL”; 01 đèn chớp màu đen hình hộp chữ nhật có chữ “K2 MP 10D”; 01 đèn chớp màu đen không rõ nhãn hiệu; 01 điện thoại di động, hiệu Iphone 12 ProMax màu vàng, số IMEI: 357014748957206; Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là: 10.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 ProMax màu trắng, số Imei: 353925104153565; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 ProMax màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu xanh, số IMEI: 869604032834912, có gắn sim Mobifone số thuê bao 0789996656 và gắn sim Vietttel số thuê bao 0368033101; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, số Imei: 353048090037633, gắn sim mobifone số thuê bao 0775524609; Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là: 1.500.000 đồng; 01 xe ô tô mang biển số: 75A - 001.86, nhãn hiệu CHEVROLET màu trắng; 01 xe mô tô mang biển số: 75F1 - 875.19, nhãn hiệu Honda SH Mode màu trắng – nâu; 01 xe mô tô mang biển số: 75F1 - 348.66, nhãn hiệu Honda AIRBLADE màu đen; 01 xe mô tô mang biển số: 75F1- 933.42, nhãn hiệu Honda SH 125i màu đen; 01 thẻ sim của nhà mạng Mobifone; 01 bản photo giấy mua bán xe mô tô; 01 giấy sao kê chi tiết tài khoản phát sinh ngày 21/9/2022 của anh Lê Công Đ; 01 bản photo hợp đồng đặt cọc ngày 17/9/2021 giữa bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L và ông bà Lương Thị N, Vũ Văn Lập; 01 bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL263545.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với số ma túy được thu giữ tại nhà nghỉ HC còn lại sau khi giám định gồm: 0,2941g là ma túy loại Ketamine (Mẫu A1); 1,5795g là ma túy loại Ketamine (Mẫu A2); 1,5673g là ma túy loại Ketamine (Mẫu A3); 1,2417g là ma túy loại Ketamine (Mẫu A4); 0,1652g là ma túy loại MDMA (Mẫu A5); 0,312g là ma túy loại MDMA (Mẫu A6) và các vật dụng dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định. Đối với số ma túy thu giữ của bị cáo Trần Xuân T còn lại sau khi giám định gồm: 2,0423g ma túy loại MDMA (Mẫu A1); 0,2610g ma túy loại Ketamine (Mẫu A2); 0,2087g ma túy loại Ketamine (Mẫu A3) và các vật dụng dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định. Xét thấy các loại ma túy nói trên là chất độc hại nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 đĩa sứ màu trắng, 03 (ba) bật lửa ga màu trắng hiệu: “Hoa Việt”, 06 chai dầu Phạt L đều là vật dụng, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với vật chứng, gồm: 01 ống hút tự chế bằng tờ tiền Polyme, có mệnh giá 10.000 đồng được thu giữ tại nhà nghỉ HC, số tiền mua bán trái phép chất ma túy đã thu giữ của bị cáo Trần Xuân T là 10.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính từ việc cho thuê phòng đã thu giữ của anh Lê Công Đ là 1.500.000 đồng thì cần phải tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 ProMax màu vàng đã thu giữ của bị cáo Trần Xuân T, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 ProMax màu trắng đã thu giữ của bị cáo Lê Thị Diễm T, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 ProMax màu xanh đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N, 01 điện thoại di động, hiệu

Iphone XS Max màu vàng thu giữ của bị cáo Lê Công L, 01 điện thoại di động, hiệu OPPO F7 màu xanh có gắn 02 sim đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc T1, 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng có gắn 01 sim đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L. Xét thấy, đây là phương tiện, thiết bị liên quan đến tội phạm nên cần tịch thu, hóa giá sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với các vật chứng còn lại không liên quan đến tội phạm thì được trả lại cho các bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, cụ thể:

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh P 01 xe mô tô mang biển số: 75F1 - 348.66, nhãn hiệu Honda AIRBLADE màu đen và 01 thẻ nhựa loại giấy phép lái xe hạng A1, mang tên Nguyễn Thanh P.

+ Trả lại cho anh Trần Văn D 01 loa màu đen có chữ “UBL”, 01 đèn chớp màu đen, hình hộp chữ nhật có chữ “K2 MP 10D”, 01 đèn chớp màu đen không rõ nhãn hiệu.

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hoài T 01 xe ô tô mang biển số: 75A - 001.86, nhãn hiệu CHEVROLET màu trắng và 01 xe mô tô mang biển số: 75F1 - 875.19, nhãn hiệu Honda SH Mode màu trắng nâu.

+ Trả lại cho bị cáo Lê Thị Diễm T 01 xe mô tô mang biển số: 75F1- 933.42, nhãn hiệu Honda SH 125i màu đen.

Các vật chứng trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa Cơ quan Điều tra Công an thị xã Hương Thủy và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy.

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án gồm: 01 bản photo giấy mua bán xe mô tô, 01 giấy sao kê chi tiết tài khoản phát sinh ngày 21/9/2022 của anh Lê Công Đ, 01 bản photo hợp đồng đặt cọc ngày 17/9/2021 giữa bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L và ông bà Lương Thị N, Vũ Văn Lập, 01 bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL263545, 01 thẻ sim của mạng Mobifone.

[9]. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Trần Xuân T phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy;
- Các bị cáo: Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị Quỳnh N, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Thanh P, Lê Văn S, Lê Thị Kiều T, Nguyễn Phú Q, Dương Văn T, Ngô Đ T, Nguyễn Đại H và Đoàn Văn H, phạm tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy;
- Các bị cáo: Nguyễn Thị Ngọc L và Lê Công L, phạm tội: Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

- Bị cáo Trần Xuân T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, là ngày 21/9/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị Quỳnh N, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Thanh P, Lê Văn S, Lê Thị Kiều T, Nguyễn Phú Q, Dương Văn T, Ngô Đ T, Nguyễn Đại H và Đoàn Văn H; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Dương Văn T, Lê Thị Diễm T, Lê Thị Kiều T và Đoàn Văn H; Áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị Diễm T, Lê Thị Kiều T. Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc T1 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, là ngày 21/9/2021.

- Bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, là ngày 21/9/2021.

- Bị cáo Nguyễn Thanh P 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, là ngày 21/9/2021.

- Bị cáo Lê Văn S 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, là ngày 21/9/2021.

- Bị cáo Nguyễn Phú Q 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, là ngày 21/9/2021.

- Bị cáo Dương Văn T 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, là ngày 21/9/2021.

- Bị cáo Ngô Đ T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, là ngày 21/9/2021.

- Bị cáo Nguyễn Đại H 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, là ngày 21/9/2021.

- Bị cáo Đoàn Văn H 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, là ngày 21/9/2021.

- Bị cáo Lê Thị Diễm T 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù nH cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Thị Kiều T 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù nH cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L và Lê Công L; Áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Công L. Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L 02 (Hai) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án nH được trừ vào thời gian mà bị cáo đã bị tạm giam, là từ ngày 21/9/2021 đến ngày 17/01/2022.

- Bị cáo Lê Công L 02 (Hai) năm tù nH cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị Diễm T cho Ủy ban nhân dân phường AC, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Thị Kiều T cho Ủy ban nhân dân phường PN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Công L cho Ủy ban nhân dân phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1 và điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên xử:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã được thu giữ tại nhà nghỉ HC, còn lại sau khi giám định gồm: 0,2941g là ma túy loại Ketamine (Mẫu A1), 1,5795g là ma túy loại Ketamine (Mẫu A2), 1,5673g là ma túy loại Ketamine (Mẫu A3), 1,2417g là ma túy loại Ketamine (Mẫu A4), 0,1652g là ma túy loại MDMA (Mẫu A5), 0,312g là ma túy loại MDMA (Mẫu A6) và các vật dụng dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định. Tất cả được niêm phong bằng giấy trắng và băng keo trong, có 02 chữ ký của Điều tra viên và 02 chữ ký của Giám định viên, 02 dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Tịch thu tiêu hủy đối với số ma túy thu giữ của bị cáo Trần Xuân T, còn lại sau khi giám định gồm: 2,0423g ma túy loại MDMA (Mẫu A1), 0,2610g ma túy loại Ketamine (Mẫu A2), 0,2087g ma túy loại Ketamine (Mẫu A3) và các vật dụng dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định. Tất cả được niêm phong bằng giấy trắng và băng keo trong, có 02 chữ ký của Điều tra viên và 02 chữ ký của Giám định viên, 02 dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Tịch thu tiêu hủy đối với 01 đĩa sứ màu trắng, 03 bột lửa ga màu trắng hiệu: “Hoa Việt”, 06 chai dầu Phật L.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước gồm: 01 ống hút tự chế bằng tờ tiền Polyme, có mệnh giá 10.000 đồng được thu giữ tại nhà nghỉ HC, số tiền mua bán trái phép chất ma túy đã thu giữ của bị cáo Trần Xuân T là 10.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính từ việc cho thuê phòng đã thu giữ của anh Lê Công Đ là 1.500.000 đồng.

- Tịch thu, hóa giá sung vào Ngân sách Nhà nước, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 ProMax màu vàng đã thu giữ của bị cáo Trần Xuân T, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 ProMax màu trắng đã thu giữ của bị cáo Lê Thị Diễm T, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 ProMax màu xanh đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N, 01 điện thoại di động, hiệu Iphone XS Max màu vàng thu giữ của bị cáo Lê Công L, 01 điện thoại di động, hiệu OPPO F7 màu xanh có gắn 02 sim đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc T1, 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng có gắn 01 sim đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh P 01 xe mô tô mang biển số: 75F1 - 348.66, nhãn hiệu Honda AIRBLADE màu đen và 01 thẻ nhựa loại giấy phép lái xe hạng A1, mang tên Nguyễn Thanh P.

- Trả lại cho anh Trần Văn D 01 loa màu đen có chữ “UBL”, 01 đèn chớp màu đen, hình hộp chữ nhật có chữ “K2 MP 10D”, 01 đèn chớp màu đen không rõ nhãn hiệu.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hoài T 01 xe ô tô mang biển số: 75A - 001.86, nhãn hiệu CHEVROLET màu trắng và 01 xe mô tô mang biển số: 75F1 - 875.19, nhãn hiệu Honda SH Mode màu trắng nâu.

- Trả lại cho bị cáo Lê Thị Diễm T 01 xe mô tô mang biển số: 75F1- 933.42, nhãn hiệu Honda SH 125i màu đen.

Các vật chứng nêu trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa Cơ quan Điều tra Công an thị xã Hương Thủy và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy.

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án gồm: 01 bản photo giấy mua bán xe mô tô, 01 giấy sao kê chi tiết tài khoản phát sinh ngày 21/9/2022 của anh Lê Công Đ, 01 bản photo hợp đồng đặt cọc ngày 17/9/2021 giữa bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L và ông bà Lương Thị N, Vũ Văn Lập, 01 bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL263545, 01 thẻ sim của mạng Mobifone.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc các bị cáo Trần Xuân T, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị Quỳnh N, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Thanh P, Lê Văn S, Lê Thị Kiều T, Nguyễn Phú Q, Dương Văn T, Ngô Đ T, Nguyễn Đại H, Đoàn Văn H, Nguyễn Thị Ngọc L và Lê Công L mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hình sự sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng Pc06 Công an tỉnh.
- VKSND T.X. Hương Thủy;
- Cơ quan điều tra T.X. Hương Thủy;
- CQ THAHS T.X. Hương Thủy;
- Chi cục THADS T.X. Hương Thủy;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QL&NVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Phú

